

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+TD5+RP3	7:25	4+14+3	0+0+0		0+17+5	0+0+0	chuyen 1 ctk3-td5
2		VSP02+RC5+RC6	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+1	0+0+0	chuyen 3 rc5-rc6
3		CNV+CTK3+BK9	7:25	10+7+5	0+0+0		6+10+5	0+0+0	chuyen 1 ctk3-bk9
4		PVD2+GTCL+CTK3	7:25	9+2+11	0+0+0		2+2+18	0+0+0	chuyen 2 gtcl-ctk3
5		P2+BK16+P7	9:25	20+1+0	0+0+0		14+3+5	0+0+0	chuyen 1 p2-bk16
6		RP1+RP3	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
7		RP3 VSP02	9:25	21	0		22	0	Chuyến bay RP3
8		CTK3+TD1+CLO	9:25	20+1+1	0+0+0		10+4+6	0+0+0	
9		RP2+TD5+P8	11:25	2+3+13	0+0+0		0+9+12	0+0+0	

TTDBSX

Attd

11.25

0

22 (021 thuan)

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày VSP02-1 ng; BK14-3 ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2021	TO: CTK3 - TD5 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - Mạnh - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SMIRNOV	CTK3	01	1	4		96	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG HA	CTK3	04	1	4	10	70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI KHAC PHONG	CTK3	02	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRI TIN	CTK3	03	1	3		85	SAN BAY	Vietnamese
6	ĐÌNH CHI CÔNG	TD5	88	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH TIẾN	TD5	86	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN TOÀN	TD5	89	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO KIM CUONG	TD5	91	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ THANH LIÊM	TD5	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH HUY	TD5	90	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TUYẾN	TD5					67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG VINH	TD5	70	1	5		96	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ NGỌC TÂM	TD5	96	1	10		90	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ĐÌNH HOAN	TD5	94-95	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
16	TRỊNH THANH GIANG	TD5	93	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI ĐÌNH PHI	TD5					60	NIPI	Vietnamese
18	MISHIN A.	TD5	69	1	6		104	NIPI	Russian
19	PHAN TIEN CUONG	TD5	92	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN THÀNH	RP3	44	1	5	117	85	CODIEN	Vietnamese
21	LAM NHẬT MINH	RP3	43	1	12	35	62	CODIEN	Vietnamese
22	TRẦN THANH TÙNG	RP3	42	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	4	16	399	10	0	1	CHUYỂN 1 PAX TỪ CTK3 SANG TD5
2	TD5	14	13	79	1.021	0	17		
3	RP3	3	3	24	222	152	5		
TOTAL		22	20	119	1.642	162	22		
WEIGHT KG				119	1.642	162			

GRAND TOTAL: 1.923 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: VSP02 - RC5 - RC6	CREW: QViệt - MTuấn - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMARENKO V.V.	VSP02	59	1	5		66	D-HANH	Russian
2	VU MINH ĐỨC	VSP02	56	1	5	72	50	D-HANH	Vietnamese
3	SABITOV A.A.	VSP02					80	KH-THAC	Russian
4	BAMBUROV	VSP02	58	1	5		100	KH-THAC	Russian
5	POKLONSKY	VSP02	60	1	5		82	KH-THAC	Russian
6	ĐẶNG NGỌC CUONG	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRUNG SONG	VSP02					90	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	68	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VU THAI SON	VSP02	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CHIEN THANG	VSP02	67	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CÔNG HOAN	VSP02	61	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH THAO	VSP02	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	66	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ TÂN LINH	VSP02	75	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	63	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HOANG THANH	VSP02	52	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO QUỐC TRINH	VSP02	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH HA	VSP02	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	17	88	1.538	72	19		
2	RC5	0	0	0	0	0	0	43	CHUYEN 03 PAX TU RC5 SANG RC6
3	RC6	0	0	0	0	30	0	1	
TOTAL		22	17	88	1.538	102	20		
WEIGHT KG				88	1.538	102			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: CNV - CTK3 - BK9	CREW: Phong - NPhú - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHI NGOC NGUYEN	CNV	98	1	9	60	65	HLHV	Vietnamese
2	DUONG VAN HANH	CNV	74-75	2	15		58	HLHV	Vietnamese
3	NGUYEN THANH HUNG	CNV	67-68	2	11		69	AMSITO	Vietnamese
4	LE HUU HUNG	CNV	76-77	2	14		66	AMSITO	Vietnamese
5	DO QUOC TUNG	CNV	70	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	69	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VAN THONG	CNV	81-82	2	20		73	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG THIỆU THANH	CNV	78	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC THANH	CNV	79	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN HUNG	CNV	85	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CUONG	CTK3	77	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
12	HA MINH GIANG	CTK3	74	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRỌNG KIM	CTK3	73	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN QUANG TUAN	CTK3	75	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	76	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN DÂN	CTK3	78-79	2	8	8	79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRAN ĐỨC MINH	CTK3	72	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG NGOC TUNG	BK9	79	1	9	10	64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC CUONG	BK9	75	1	6	50	80	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG QUANG HUY	BK9	77	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN BINH	BK9	78	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	76	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	10	14	103	706	60	6		CHUYEN 1 PAX TU CTK3 SANG BK9
2	CTK3	7	8	40	504	8	10		
3	BK9	5	5	35	345	60	5		
TOTAL		22	27	178	1.555	128	21		
WEIGHT KG				178	1.555	128			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: PVD2 - GTC1 - CTK3	CREW: ĐỨC - TĐông - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	PVD2	77	1	12	80	75	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN CHÍ LINH	PVD2	79	1	8		81	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VÕ ĐÌNH DUY	PVD2	78	1	18		75	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	PVD2	75,80	2	17		65	DVL	Vietnamese
5	LÊ THANH THAI	PVD2	87	1	11		100	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THUẬN	PVD2	82	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	PVD2	83	1	12		69	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN THANH	PVD2	81	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	MULNIUCHKIN V.V	PVD2	76	1	13		92	DVL	Russian
10	TIKHONOV	GTC1	59	1	10	40	98	KH-THAC	Russian
11	TRẦN VÕ NGỌC QUYNH	GTC1	23,60,29	3	22		68	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	03	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THANH QUANG	CTK3	11	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUANG THAI	CTK3	05-06	2	22		90	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TUẤN	CTK3	12	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	01	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU BAO	CTK3	04	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VĂN THAI	CTK3	13	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI SỸ LONG	CTK3	07	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	10	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	08-09	2	19		81	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM QUỐC CUÔNG	CTK3	02	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

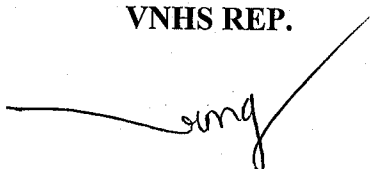
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	9	10	108	702	80	2		CHUYEN 2 PAX TU GTC1 SANG CTK3
2	GTC1	2	4	32	166	40	2+2		
3	CTK3	11	13	91	851	0	18		
TOTAL		22	27	231	1.719	120	22		
WEIGHT KG				231	1.719	120			

GRAND TOAL: 2.070 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2021	TO: P2 - BK16 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Vận - Mạnh - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	P2	87	1	3	70	65	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ĐỨC TOÀN	P2	88	1	10	60	82	KH-THAC	Vietnamese
3	TÀ NGỌC THANH	P2	83-84	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG HIỆU	P2	89-90	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THAI SƠN	P2	85	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NAM THẮNG	P2	91	1	16		110	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HÙNG	P2	86	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ MẠNH ĐIẾP	P2	92-93	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRI PHƯỚC	P2	94	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	80	1	12		90	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN DŨNG	P2	77-78	2	8		60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN MINH	P2	79	1	10		85	T-TIN	Vietnamese
13	MAI XUÂN QUÝ	P2	81-82	2	10		65	T-TIN	Vietnamese
14	ĐỖ THANH HÙNG	P2	69-72	4	17		65	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC LƯU	P2	73	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	TRẦN TIẾN BANG	P2					62	PSV	Vietnamese
17	LE HUU TU	P2	07	1	3		65	PSV	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC THUẬN	P2	75	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN TRONG	P2	68	1	5		100	PSV	Vietnamese
20	VU THE LIEN	P2	74	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN GIANG	P2	75	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	PHAN XUAN HOA	BK16				20	67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	28	181	1.561	130	11	71	CHUYỂN 1 PAX P2 SANG BK16
2	BK16	1	0	0	67	20	3		
3	P7	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	28	181	1.628	150	19		
WEIGHT KG				181	1.628	150			

GRAND TOAL: 1.979 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: RP1 - RP3	CREW: QViệt - MTuấn - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO ĐẮC DÂN	RP1	59-60	2	20	24	68	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG TIẾN TOÀN	RP1	62	1	10	23	69	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ HỒNG HÂN	RP3	75-76	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN MINH	RP3	69-70	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HỆ	RP3	61-62	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
6	DUƠNG SỸ CHIẾN	RP3	56	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM HOÀNG	RP3	78	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ HỒNG THANH	RP3	77	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP3	73	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG CHUNG	RP3	71-72	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐỖ DANH NGỌC	RP3	65-66	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN KHÁNH	RP3	59-60	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
13	HÒA QUANG THẮNG	RP3	57-58	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI TRỌNG HỘI	RP3	64	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	RP3	63	1	9		57	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN GIA HIỆU	RP3	53	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG QUYNH	RP3	67-68	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
18	HỒ NGUYỄN HẬU	RP3	79-80	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CHIỂU	RP3	74	1	10		59	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THUY	RP3	55	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
21	VU QUANG DUƠNG	RP3	54	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	2	3	30	137	47	0		
2	RP3	19	28	278	1.203	0	22		
TOTAL		21	31	308	1.340	47	22		
WEIGHT KG				308	1.340	47			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: RP3 - VSP02	CREW: Phong - NPhú - Năm	ETA: 11:20
VANG-2			

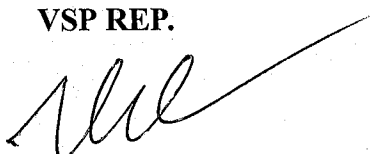
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE NHAT TAM	RP3	24	1	9	95	63	XAY LAP	Vietnamese
2	BUI XUAN TIEN	VSP02	15	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN QUOC HOAN	VSP02	16	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	DO TRUNG DUNG	VSP02	06	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	HA MANH THANG	VSP02	07	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
6	HO BINH TRONG	VSP02	10	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	08	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN GIAP	VSP02	19	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	LU SON	VSP02	09	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
10	TO VAN HUNG	VSP02	17	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	LE XUAN BINH	VSP02	04	1	5	30	78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN QUYET	VSP02	03	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI HUY BINH	VSP02					80	KH-THAC	Vietnamese
14	VU HAI DANG	VSP02	14	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	ROGINSKI	VSP02	02	1	10		110	ANTOAN	Russian
16	BUI VAN THOI	VSP02	18	1	10		70	YTE	Vietnamese
17	TRAN NGOC TU	VSP02					80	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HONG DUC	VSP02	11	1	3		60	PSV	Vietnamese
19	HAN VAN HIEU	VSP02	13	1	7		75	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VU BA LINH	VSP02	05	1	4		68	PSV	Vietnamese
21	LE VAN CHI	VSP02	12	1	5		55	PSV	Vietnamese
22	LE DUC CUONG 1967	VSP02	01	1	6		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

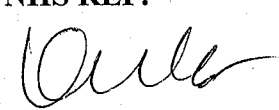
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	1	1	9	63	95	0		
2	VSP02	21	19	107	1.449	30	22		
TOTAL		22	20	116	1.512	125	22		
WEIGHT KG				116	1.512	125			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

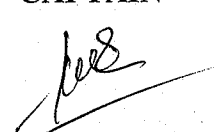
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: CTK3 - TD1 - CLO	CREW: ĐỨC - TĐông - TDUNG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐOAN	CTK3	12	1	3	60	50	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3				5	78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOAN NGỌC THƯỜNG	CTK3	23	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ NGỌC CHÍNH	CTK3	13	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG KHANH	CTK3	06	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN HUY	CTK3	08	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
7	ĐINH XUÂN TOAN	CTK3	17-18	2	11		60	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC TOAN	CTK3	14	1	20		65	T-TIN	Vietnamese
9	PHAN TẤT THĂNG	CTK3	09	1	4		65	YTE	Vietnamese
10	PHAN VĂN TUÂN	CTK3	19	1	3		75	PSV	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN KHANH	CTK3	22	1	8		73	PSV	Vietnamese
12	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	21	1	19		76	PSV	Vietnamese
13	VUONG ĐÌNH ĐÔNG	CTK3	07	1	5		88	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN THU TRANG	CTK3	16	1	4		77	PSV	Vietnamese
15	HOANG VĂN BÁC	CTK3					71	PSV	Vietnamese
16	LÊ VĂN MINH	CTK3	20	1	5		80	PSV	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC CẢNH	CTK3	15	1	5		53	PSV	Vietnamese
18	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	10	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CÂN	CTK3	11	1	3		70	PSV	Vietnamese
20	TELESHENKO I.A	TD1	56	1	15		113	KHOAN	Russian
21	TO CONG TANH	CLO	40	1	3		67	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

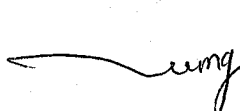
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	18	124	1.366	65	10		
2	TD1	1	1	15	113	0	4		
3	CLO	1	1	3	67	0	6		
TOTAL		21	20	142	1.546	65	20		
WEIGHT KG				142	1.546	65			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: RP2 - TD5 - P8	CREW: Vận - XTrường - DTùng	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ANH TUÂN	RP2	93	1	7	85	66	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC MINH	RP2	94	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LONG	TD5	70-71	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	TD5	33-34	2	18		54	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI HỒNG SANG	TD5	18	1	15		95	XAYLAP	Vietnamese
6	LUONG HUNG TRIET	TD5					61	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TINH	TD5	27	1	11		80	KHOAN	Vietnamese
8	DUONG QUOC VIET	TD5	28	1	13		59	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN LOC	TD5	69	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN BÁ HOÀNG	P8					64	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ XUÂN CHÍNH	P8	71	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẠO CÁN KHÔI	P8	82	1	10	14	55	XAYLAP	Vietnamese
13	HÀ ANH CHIẾN	P8	86	1	6		69	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HỒNG DŨNG	P8	79	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
15	LUONG VAN THUC	P8	74	1	13		74	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN TRƯỞNG GIANG	P8	78	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN TRUNGĐĂNG	P8	85	1	14		71	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN HẬU HAI	P8	72-73	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ HỒNG DUY	P8	83-84	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VĂN ĐÀU	P8	76-77	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VAN THANG	P8	80-81	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	75	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	2	2	17	126	85	0		
2	TD5	7	8	81	496	0	9		
3	P8	13	16	150	873	14	12		
TOTAL		22	26	248	1.495	99	21		
WEIGHT KG				248	1.495	99			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2021 FLIGHT: MI	FROM: VT TO: AMD	AIRCRAFT: 427 CREW: QViệt - MTuấn - THỤ	ETD: 11:30 ETA: 13:00
--------------------------------	---------------------	--	--------------------------

ROUTE: VT - AMD - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - AMD								
1	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	22	WT:	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK :					
VSP REP.					PAX.WEIGHT
VNHS REP.					0
CAPTAIN					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					0
					TOTAL
					0

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)
1. TOTAL OF PAX
2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 00:00
FUEL